

Hình thức kiểm tra: Trắc nghiệm + Tự luận

Thời gian: 60 phút

Phân môn Lịch sử:

- Bài 14. Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc
- Bài 15. Đời sống của người Việt thời kì Văn Lang, Âu Lạc
- Bài 16. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa của Việt Nam thời Bắc thuộc

Phân môn Địa lí:

- Bài 17: Sông và Hồ
- Bài 18. Biển và đại dương

Lưu ý: Học sinh ôn lại kĩ nội dung các bài, tham khảo một số dạng câu hỏi ôn tập để kiểm tra đạt kết quả cao.

I. TỰ LUẬN

1. Sự ra đời của nhà nước Văn Lang

- Từ khoảng 2000 năm TCN, những nhóm cư dân Việt cổ mở rộng địa bàn cư trú xuống đồng bằng.

- Những bộ lạc lớn dần hình thành, gần gũi nhau về tiếng nói và sản xuất. Bộ lạc mạnh nhất là Văn Lang, cư trú trên vùng đất ven sông Hồng từ Việt Trì (Phú Thọ) đến chân núi Ba Vì (Hà Nội) ngày nay.

- Đây là nơi có nghề đúc đồng phát triển sớm, dân cư đông đúc. Nhu cầu trị thủy, bảo vệ mùa màng thúc đẩy sự liên kết các bộ lạc.

=> Thế kỉ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc Văn Lang đã thu phục bộ lạc khác, tự xưng Hùng Vương, thành lập nhà nước Văn Lang, đóng đô ở Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ),

2. Chính sách đồng hóa trong thời kì Bắc thuộc.

- Chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hóa đối với dân tộc ta:

+ Nhà Hán chủ trương đưa người Hán sang nước ta sinh sống lâu dài, ở lẫn với người Việt, tìm cách xóa bỏ phong tục tập quán lâu đời của người Việt.

+ Nho giáo, tư tưởng lễ giáo của Trung Quốc được truyền vào Việt Nam. Chữ Hán được du nhập nhằm phục vụ cho công cuộc đồng hóa.

3. Sông và các bộ phận của dòng sông

- Sông là dòng chảy tương đối ổn định trên bề mặt lục địa. Hầu hết các dòng sông chảy ra biển.

- Nơi tiếp giáp với biển gọi là cửa sông.

- Phụ lưu là những dòng chảy nhỏ cung cấp nước cho sông.

- Chi lưu: ở hạ nguồn, có nhiều dòng chảy tách ra từ dòng sông chính.

- Nguồn cung cấp nước: nước mưa, nước ngầm, băng tuyết tan....

II. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Điền vào chỗ trống “Thế kỉ VII TCN, thủ lĩnh bộ lạc đã thu phục các bộ lạc khác, tự xưng là”. (SGK môn Lịch sử và Địa lí – Bộ CTST)

- A. Văn Lang, Âu Lạc. B. Văn Lang, Hùng Vương.
C. Âu Lạc, An Dương Vương. D. Âu Lạc, Hùng Vương.

Câu 2. Nhà nước đầu tiên của nước ta có tên là gì?

- A. Việt Nam. B. Âu Lạc. C. Văn Lang. D. Đại Nam.

Câu 3. Nhà nước Văn Lang đóng đô ở đâu?

- A. Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ). B. Ba Vì (Hà Nội).
C. Thăng Long (Hà Nội). D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 4. Truyền thuyết nào gắn liền với nguồn gốc của dân tộc Việt?

- A. Bánh chưng bánh giầy. B. Sơn Tinh, Thủy Tinh.
C. Thánh Gióng. D. Con Rồng cháu Tiên.

Câu 5. Sau khi lên ngôi, Hùng Vương chia nước làm bao nhiêu bộ?

- A. 15 bộ. B. 16 bộ. C. 17 bộ. D. 18 bộ.

Câu 6. Năm 214 TCN, quân xâm lược nào tấn công nước ta?

- A. Nhà Hán. B. Nhà Lương. C. Nhà Đường. D. Nhà Tần.

Câu 7. An Dương Vương đã cho xây thành gì?

- A. Thành nhà Hồ. B. Thành Nhà Mạc. C. Thành Cổ Loa. D. Thành Hoa Lư.

Câu 8. Thời Văn Lang, người đứng đầu chiềng, chạ là ai?

- A. Lạc hầu. B. Lạc tướng. C. Vua. D. Bò chính.

Câu 9. Nhà nước Văn Lang chưa có điều gì?

- A. Luật pháp. B. Quân đội. C. Cả A và B đều đúng. D. Cả A và B đều sai.

Câu 10. Sau khi lên ngôi, An Dương Vương đóng đô ở đâu?

- A. Phong Châu (Việt Trì, Phú Thọ). B. Ba Vì (Hà Nội).
C. Phong Khê (Cổ Loa, Đông Anh, Hà Nội). D. Hoa Lư (Ninh Bình).

Câu 11. Hiện vật nào tiêu biểu cho tài năng và kĩ thuật chế tác đồ đồng của con người thời kì Văn Lang, Âu Lạc?

- A. Đồ gốm. B. Công cụ đá. C. Rìu đá Bắc Sơn. D. Trống đồng.

Câu 12. Cư dân Văn Lang, Âu Lạc di chuyển chủ yếu bằng gì?

- A. Voi. B. Thuyền. C. Chưa có phương tiện. D. Xe ngựa.

Câu 13. Một số nghề thủ công của người Văn Lang, Âu Lạc:

- A. Làm đồ gốm, đóng thuyền.
- B. Dệt vải, làm nhà.
- C. Cả A, B đều sai.
- D. Cả A, B đều đúng.

Câu 14. Thời Văn Lang, Âu Lạc vào các ngày lễ tết họ thường làm bánh gì?

- A. Bánh chưng, bánh giầy.
- B. Bánh cam.
- C. Bánh dúc.
- D. Bánh giò.

Câu 15. Đây là hiện vật thể hiện đỉnh cao rực rỡ của kỹ thuật đúc đồng trong nền văn hóa Đông Sơn:

- A. Trống đồng Ngọc Lũ.
- B. Muôi đồng Đông Sơn.
- C. Mộ thuyền Việt Khê.
- D. Lưỡi nỏ và mũi tên đồng Cổ Loa.

Câu 16. Nhà ở của cư dân Văn Lang, Âu Lạc là:

- A. Nhà sàn
- B. Nhà tranh vách đất.
- C. Nhà ngói.
- D. Nhà tường.

Câu 17. Đây là phong tục, tập quán của cư dân Văn Lang:

- A. Nhuộm răng đen.
- B. Xăm mình.
- C. Thờ cúng tổ tiên.
- D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu 18. Nhà Hán đã chia nước ta thành 3 quận:

- A. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam
- B. Giao Chỉ, Cửu Chân, Châu Giao.
- C. Phong Châu, Cửu Chân, Nhật Nam.
- D. Phong Châu, Lục Châu, Ái Châu.

Câu 19. Về tổ chức bộ máy cai trị, chính sách của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước Âu Lạc là gì?

- A. Chia đất nước ta thành các quận, cử quan lại đến cai trị.
- B. Chiếm đoạt ruộng đất, bắt dân ta phải cống nạp sản vật quý, hương liệu, vàng bạc...
- C. Tăng cường thuế khoá và lao dịch nặng nề.
- D. Tìm cách xoá bỏ những phong tục tập quán của người Việt.

Câu 20. Chính quyền đô hộ phương Bắc đã thi hành chính sách độc quyền về:

- A. Ruộng đất.
- B. Muối, sắt.
- C. Thu thuế.
- D. Vàng, bạc.

Câu 21. Chính sách thâm độc nhất mà chính quyền phương Bắc thực hiện đối với nhân dân ta là gì?

- A. Chính sách bóc lột về kinh tế
- B. Chính sách đồng hóa
- C. Cả A và B đều đúng

D. Cả A và B đều sai

Câu 22. Nông dân công xã trong thời kì Văn Lang – Âu Lạc bị phân hoá như thế nào trong thời kì Bắc thuộc?

A. Nông dân công xã, hào trưởng.

B. Nông dân lệ thuộc, địa chủ.

C. Nông dân công xã, nông dân lệ thuộc.

D. Tất cả đều sai.

Câu 23. Ở miền ôn đới nguồn cung cấp nước cho sông chủ yếu là do:

A. nước mưa.

B. băng tuyết

C. nước ao, hồ.

D. nước ngầm

Câu 24. Chi lưu là gì?

A. Các con sông làm nhiệm vụ thoát nước cho sông chính.

B. Các con sông đổ nước vào con sông chính và sông phụ.

C. Diện tích đất đai cung cấp nước thường xuyên cho sông.

D. Lượng nước chảy tạo ra mặt cắt ngang lòng ở con sông.

Câu 25. Sông A-ma-dôn nằm ở châu lục nào sau đây?

A. Châu Âu.

B. Châu Mỹ.

C. Châu Á.

D. Châu Phi.

Câu 26. Hồ và sông ngòi có giá trị nào sau đây?

A. Thủy sản.

B. Giao thông.

C. Du lịch.

D. Cả A,B,C đều đúng.

Câu 27. Tổng diện tích của đại dương trên bề mặt Trái đất là bao nhiêu?

A. 261,3 triệu km².

B. 361,3 triệu km².

C. 461,3 triệu km².

D. 561,3 triệu km².

Câu 28. Nhiệt độ trung bình của nước biển và đại dương vào khoảng bao nhiêu?

A. 15⁰C.

B. 16⁰C.

C. 17⁰C.

D. 18⁰C.

Câu 29. Độ muối trung bình của nước biển và đại dương là:

A. 35‰.

B. 36‰.

C. 37‰.

D. 38‰.

Câu 30. Nước biển và đại dương có ba sự vận động là:

A. Sóng, mưa, gió.

B. Gió, thủy triều, dòng biển.

C. Nắng, mưa, gió.

D. Sóng, thủy triều, dòng biển.

-HẾT-